TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số 01/2022/HNGĐ-GĐT
Ngày 15-02-2022
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường và ông Nguyễn Cường
- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Thành An – Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thiên V, sinh năm 1986; địa chỉ: số 33, đường Nguyễn T thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Anh T, sinh năm 1985; địa chỉ: số 13, đường HH, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D;
Cùng địa chỉ: số 05, đường HH, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thiên V (Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột nhận được ngày 04/9/2020) và trong quá trình tố tụng, chị Việt trình bày:

Chị và anh Đỗ Anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk năm 2012. Trải qua quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên nay Chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Tuấn có 02 con chung là cháu Đỗ Thiên M, sinh ngày 07/01/2013 và cháu Đỗ Anh T sinh ngày 24/7/2017; chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng mà để anh T tự nguyện. Nếu Tòa án không chấp thuận cho chị V nuôi cả hai con

chung thì chị V xin nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T, giao cháu Đỗ Thiên MA cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị V đề nghị Tòa án chia các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ số 13 HH, phường TT, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đề nghị chia theo pháp luật cho mỗi người 50% giá trị tài sản. Đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47A-170.** đứng tên anh T thì chị V đồng ý với mức giá trị còn lại của chiếc xe trên là 450.000.000 đồng, đồng ý giao xe cho anh Tuấn sở hữu, sử dụng và thanh toán lại cho chị V 225.000.000 đồng.

- Bị đơn là anh Đỗ Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng như chị Việt trình bày nên anh Tuấn muốn đoàn tụ; tuy nhiên, chị V kiên quyết xin ly hôn nên anh T chấp nhận.

Về con chung: Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án không chấp thuận cho anh Tuấn nuôi cả hai con thì anh T xin nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh T, giao cháu Đỗ Thiên MA cho chị V nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 13 HH, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của bố mẹ anh T là ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D tạo lập, không phải là tài sản của anh T và chị V.

Về chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-170.** thì anh T thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng và đồng ý chia theo ý kiến của chị V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D trình bày: Nhà đất tại địa chỉ 13 HH, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của Ông Bà mua của ông Lê Công H. Ông Bà là người trực tiếp mua nhà đất, nhưng để vợ chồng con trai (anh T và chị V) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà đất để làm thủ tục nhập hộ khẩu cho các cháu đi học mà chưa cho vợ chồng anh T nhà đất, điều này thể hiện ở việc Ông Bà vẫn giữ giấy tờ nhà đất.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021, Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định:

"*Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 241; Điều 246; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên Việt về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung".

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thiên Việt và anh Đỗ Anh Tuấn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Tuấn và chị Việt. Giao con chung Đỗ Thiên Minh Ánh, sinh ngày 07/01/2013 cho anh Đỗ Anh Tuấn và giao con chung Đỗ Anh Tú, sinh ngày 24/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Thiên Việt

nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom; chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không đặt ra.

3. Anh Đỗ Anh Tuấn được chia tài sản trị giá 4.073.967 000đ. Chị Việt được chia tài sản trị giá 652.663.000đ.

4. Giao cho anh Đỗ Anh Tuấn được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy GCNQSD đất số CM 144374 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 2/12/2017, số thửa 15 tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m^2. Có tứ cận: Phía đông giáp đường hẻm Phan Bội Châu có chiều ngang 7,4m; Phía tây giáp đường Hồ Xuân Hương dài 7,36m; Phía nam giáp thửa đất số 14 dài 40,01m; Phía bắc giáp thửa đất số 12 dài 39,63m. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 diện tích nhà 95,3m^2, tọa lạc tại địa chỉ: số 13 Hồ Xuân Hương, phường Tân Tiến, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Anh Tuấn có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có nhu cầu.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mada Biển kiểm soát 47A-170.26. Người đứng tên trên giấy đăng ký xe là anh Đỗ Anh Tuấn.

5. Anh Đỗ Anh Tuấn có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Thiên Việt giá trị tài sản được chia với số tiền 652.663 .000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về chi phí thẩm định, định giá: Chị Nguyễn Thị Thiên Việt và anh Đỗ Anh Tuấn mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng. Chị Việt được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 11 ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chị Việt được nhận lại số tiền 1.500.000 đồng sau khi thu được từ anh Tuấn.

7. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thiên Việt phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 30.106.520 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 30.406.520 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn, chia tài sản đã nộp 41.300.000 đồng theo biên lại thu số AA/2019/0012848, ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hoàn trả cho chị Việt số tiền tạm ứng án phí còn dư 11.193.480 đồng.

Anh Đỗ Anh Tuấn phải nộp 112.073.967 đồng án phí chia tài sản

- Ngày 29/3/2021, chị Việt kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xác định nhà đất tại 13 Hồ Xuân Hương là tài sản chung của vợ chồng, định giá lại theo giá thị trường và chia tài sản chung của vợ chồng, mỗi người hưởng 50%.

- Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

"*[1]. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:*

Chấp nhận một phần liên quan đến đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thiên Việt. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần tài sản và án phí.

[2]. Về tài sản chung:

[2.1]. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m^2 theo Giấy GCNQSD đất số CM 144374 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2017 mang tên ông Đỗ Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Thiên Việt.

[2.2]. Chị Nguyễn Thị Thiên Việt được chia tài sản là ½ giá trị xe ô tô biển số 47A-170.26, tương đương 225.000.000 đồng và số tiền anh Tuấn tự nguyện cho chị Việt là 427.663.000 đồng. Tổng số tiền 652.663.000 đồng.

[2.3]. Giao cho anh Đỗ Anh Tuấn được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản là 01 xe ôtô nhãn hiệu Mada Biển kiểm soát 47A-170.26. Người đứng tên trên Giấy đăng ký xe ông Đỗ Anh Tuấn và có nghĩa vụ trả cho bà Việt 1/2 giá trị xe ô tô và công quản lý tài sản với tổng số tiền 652.663.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4]. Tạm giao cho anh Đỗ Anh Tuấn tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 13 Hồ Xuân Hương, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk.

Tách phần nhà, đất tại số 13 Hồ Xuân Hương đang tranh chấp để thụ lý giải quyết thành vụ án khác khi ông Đỗ Minh Hảo, bà Trần Thị Do có đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: Chị Nguyễn Thị Thiên Việt phải chịu 3.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng đã nộp theo phiếu thu số 11 ngày 08/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Về án phí: Ap dụng Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thiên Việt phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 32.633.150 đồng án phí chia tài sản và 74.766.300 đồng tiền án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận. Tổng cộng là 107.399.450 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.300.000 đồng theo biên lại thu số AA/2019/0012848, ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Chị Việt còn phải nộp số tiền 66.099.450 đồng.

- Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 01/QĐ- SCBSBA ngày 29/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

"Sửa chữa, bổ sung Bản án số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18-6-2021 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Tại dòng thứ 15 từ trên xuống, trang 07 của Bản án đã ghi: Chị Việt phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng (652.663.000 đồng) là 32.633.150 đồng và phải chịu án phí đối với phần tài sản không được chia (2.138.315.000 đồng) là 74.766.300 đồng.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Chị Việt phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng (652.663.000 đồng) là 32.633.150 đồng và án phí không có giá ngạch đối với phần tài sản không được chấp nhận (2.138.315.000 đồng) là 300.000 đồng".

2. Tại dòng thứ 06 từ dưới lên, trang 08 của Bản án đã ghi: "Chị Nguyễn Thị Thiên Việt phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 32.633.150 đồng án phí chia tài sản và 74.766.300 đồng tiền án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận. Tổng cộng là 107.399.450 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.300.000 đồng theo biên lại thu số AA/2019/0012848, ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Chị Việt còn phải nộp số tiền 66.099.450 đồng.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: Chị Nguyễn Thị Thiên Việt phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 32.633.150 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được chấp nhận. Tổng cộng là 33.233.150 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.300.000 đồng theo biên lại thu số AA/2019/0012848, ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hoàn trả lại cho chị Việt số tiền là 8.066.850 đồng."

- Ngày 26/7/2021, chị Nguyễn Thị Thiên Việt có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột vì nhà đất tại 13 Hồ Xuân Hương cha mẹ chồng mua của ông Lê Công Hồ và đã cho vợ chồng Chị nên vợ chồng Chị đã đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xác định là tài sản chung của cha mẹ chồng Chị là không đúng, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của Chị, Chị yêu cầu được chia ½ giá trị nhà đất này.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2022/KN-HNGĐ ngày 11/01/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần chia tài sản chung; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm lại về phần này.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Uỷ ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp

nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2022/KN-HNGĐ ngày 11/01/2022 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Thiên Việt) khởi kiện trình bày nhà đất tại địa chỉ 13 Hồ Xuân Hương là tài sản chung của vợ chồng vì đứng tên chị Việt và anh Tuấn nên yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng cho mỗi người ½ giá trị nhà đất này nên đã nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; trong khi đó, vợ chồng ông Đỗ Minh Hảo, bà Trần Thị Do (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) cho rằng Ông Bà bỏ tiền mua nhà đất nên yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất là tài sản của Ông Bà, như vậy vợ chồng ông Hảo, bà Do có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sở hữu tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn vợ chồng ông Hảo nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của mình là thiếu sót. Mặc dù, chưa yêu cầu vợ chồng ông Hảo nộp tạm ứng án phí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại giải quyết công nhận nhà đất số 13 Hồ Xuân Hương là tài sản của vợ chồng ông Hảo, bà Do là vi phạm tố tụng, đồng thời tuyên giao cho anh Tuấn được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên nhà đất từ vợ chồng anh Tuấn, chị Việt sang tên mình anh Tuấn là không đúng pháp luật.

[2] Tòa án cấp phúc thẩm phát hiện ra thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm nên lẽ ra, cần phải hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại yêu cầu vợ chồng ông Hảo nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập của mình và xem xét giải quyết luôn yêu cầu độc lập của vợ chồng ông Hảo, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm lại sửa bản án sơ thẩm, tuyên tạm giao nhà đất cho anh Tuấn quản lý, sử dụng, tách phần tài sản *"nhà đất 13 Hồ Xuân Hương đang tranh chấp"* để thụ lý giải quyết thành vụ án khác khi vợ chồng ông Hảo có Đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí là không đúng vì vợ chồng ông Hảo đã có Đơn yêu cầu độc lập từ đầu. Toà án cấp phúc thẩm nhận định và quyết định buộc chị Việt phải chịu 74.766.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị ½ nhà đất số 13 Hồ Xuân Hương mà chị Việt yêu cầu chia cho chị Việt, nhưng không được chấp nhận; tuy nhiên, sau đó Tòa án cấp phúc thẩm lại ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/QĐ-SCBSBA ngày 29/6/2021 sửa cả phần nhận định và chỉ buộc chị Việt chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu chia ½ giá trị nhà đất số 13 Hồ Xuân Hương, không được chấp nhận là trái quy định tại khoản 1 Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự là chỉ được sửa chữa, bổ sung bản án trong trường hợp có lỗi về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai, chứ không được sửa chữa nội dung Bản án (từ nhận định dẫn tới quyết định trong bản án).

Về nội dung:

[3] Chị Việt khởi kiện cho rằng cha mẹ chồng (vợ chồng ông Hảo, bà Do) mua nhà đất số 13 Hồ Xuân Hương của Lê Công Hồ cho vợ chồng Chị và anh Tuấn thể hiện ở việc để vợ chồng chị Việt đứng tên Hợp đồng nhận chuyển

nhượng nhà đất của ông Hồ và đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong khi đó, vợ chồng ông Hảo bà Do cho rằng việc để vợ chồng chị Việt đứng tên trên Hợp đồng nhận chuyển nhượng, đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ để tạo điều kiện cho các con cháu nhập hộ khẩu, đi học, mà chưa cho vợ chồng chị Việt nhà đất, điều này thể hiện ở việc Ông Bà vẫn giữ giấy tờ nhà đất.

[4] Xét thấy: ***Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*** lập ngày 07/12/2017 tại Văn phòng Công chứng Tây Nguyên, thể hiện ông Lê Công Hồ chuyển nhượng cho vợ chồng anh Đỗ Anh Tuấn và chị Nguyễn Thị Thiên Việt quyền sử dụng đất theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri AL 471705 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Lê Công Hồ ngày 16/11/2007 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m^2 tại phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (bút lục 37); vợ chồng anh Đỗ Anh Tuấn và chị Nguyễn Thị Thiên Việt được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Lăk cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số sêri CM 144374 ngày 20/12/2017 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m^2 tại phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (bl 31); tại ***Bản tự khai*** ngày 04/02/2021, ông Lê Công Hồ cho biết: "*Hôm ra công chứng tại Phòng công chứng Tây Nguyên có tôi là Lê Công Hồ và bà Đinh Thị Loan vợ 2 tôi cùng đi, bên mua có ông Hảo, bà Do, anh Tuấn, cô Việt và 1 cháu nhỏ. Sau khi làm việc với công chứng viên thì ông Hảo có nói là tôi (tức ông Hảo) để cho 2 vợ chồng cháu Tuấn ký hợp đồng với Anh (Tôi) để sau này khỏi phải sang tên đổi chủ. Tôi thấy bố mẹ cho con cái là chuyện bình thường nên tôi không ý kiến gì*" (bl 27) và trên thực tế vợ chồng chị Việt được vợ chồng ông Hảo, bà Do cho quản lý, sử dụng nhà đất ngay sau khi ký Hợp đồng nhận chuyển nhượng (bl 12). Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng giám đốc thẩm xét thấy đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Hảo, bà Do bỏ tiền mua nhà đất của ông Lê Công Hồ và đã tặng cho vợ chồng con trai (anh Tuấn, chị Việt) quản lý, sử dụng ổn định nên là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng chị Việt không xuất trình được giấy tờ chứng minh vợ chồng ông Hảo đã tặng cho nhà đất là không đúng quy định của pháp luật vì vợ chồng chị Việt đứng tên Hợp đồng nhận chuyển nhượng nhà đất, đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà đất và quản lý, sử dụng nhà đất ổn định, không có tranh chấp đến khi 2 vợ chồng chị Việt phát sinh mâu thuẫn, xin ly hôn thì vợ chồng ông Hảo\ mới nại lý do chỉ cho vợ chồng chị Việt đứng tên nhà đất để tiện việc nhập khẩu, đi học.

[5] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI Biển kiểm soát 47A-170.26 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 023396 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/11/2016 đứng tên anh Đỗ Anh Tuấn (bl 40), thì anh Tuấn, chị Việt đều thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng, thống nhất xác định giá trị xe còn lại là 450.000.000 đồng, thống nhất anh Tuấn có quyền sở hữu xe và có nghĩa vụ thanh toán cho chị Việt 225.000.000 đồng; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên "*Giao cho anh Đỗ Anh Tuấn được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản là 01 xe ôtô nhãn hiệu Mada Biển kiểm soát 47A-170.26"* là nhầm lẫn, dễ dẫn đến Cơ quan Thi hành án vướng mắc khi thi hành án (vì phải thực hiện bàn giao chiếc xe

không đúng nhãn hiệu); do đó, khi giải quyết lại vụ án chia tài sản chung của vợ chồng đối với nhà đất 13 Hồ Xuân Hương thì không cần giải quyết lại đối với chiếc xe ô tô này, nhưng cần tuyên anh Tuấn được quyền sở hữu chiếc xe ô tô đúng nhãn hiệu SUZUKI (anh Tuấn đã nhận tài sản khi hai người ly hôn) để bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của anh Tuấn.

Từ các tài liệu, chứng cứ dẫn chứng được phân tích tại các mục nêu trên, Hội đồng giám đốc thẩm xét thấy Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2022/KN-HNGĐ ngày 11/01/2022 của Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Hủy một phần Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 15/2021/HNGĐ-PT ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST ngày 26/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột về phần chia tài sản chung; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để xét xử sơ thẩm lại về phần chia tài sản chung theo đúng quy định của pháp luật.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cường **Phạm Việt Cường** **Đặng Kim Nhân**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ để giải quyết sơ thẩm lại);
- Viện trưởng VKSNDCC tại Đà Nẵng (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ (VP); Phòng Giám đốc kiểm tra I hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỐC THẨM

Nguyễn Cường

Phạm Việt Cường

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA dân sự TP. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng GĐKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân